

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NAM  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày 19-8-2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Dương Thế Vinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Từ Minh Hải;

- Ông Nguyễn Xuân Chung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Hương Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang tạm trú tại: Thôn Y, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tạm trú: đường B, khu phố T, phường Th, thành phố D, tỉnh Bình Dương (xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các lời khai tiếp theo anh Nguyễn Đức Clà nguyên đơn trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thkết hôn ngày 18/9/2000 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T (nay là UBND thị trấn Đ), huyện L. Sau khi cưới, hai vợ chồng về sống chung cùng nhau ngay; anh và chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian dài và có 02 con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế gia đình khó khăn, anh và chị Th vào Bình Dương làm ăn, trong thời gian này hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên, bất đồng quan điểm, do không thể hòa hợp được, nên năm 2016 anh đã sống ly thân chị Th. Năm 2019 thì anh về Bắc Giang, còn chị Th vẫn ở Bình Dương. Anh xác định không còn tình cảm với chị Th, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Th có 2 con chung là Nguyễn Đức Th, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 28/7/2003. Nay ly hôn con Th đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống, anh không đề nghị Tòa án xem xét. Còn con Tr đang ở với chị Th, học lớp 11. Anh đồng ý để chị Th tiếp tục nuôi con Tr.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nếu chị Th yêu cầu.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu giải quyết.

\* Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Nguyễn Thị Thon trình bày: Chị công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình chung sống, con chung như anh C trình bày là đúng. Hai vợ chồng mâu thuẫn đã lâu và đã sống ly thân, anh C làm đơn xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh C có 2 con chung là Nguyễn Đức Th, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 2003 như anh C trình bày là đúng. Con Th đã trưởng Thành, tự lo được cuộc sống, chị không đề nghị Tòa án xem xét. Còn con Tr đang ở với chị, học lớp 11. Chị xin nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại chị đang tạm trú tại thành phố D, tỉnh Bình Dương, chị đồng ý thỏa thuận lựa chọn TAND huyện Lục Nam giải quyết việc ly hôn.

Do công việc bận và ở xa, chị xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay anh C không rút đơn khởi kiện. Chị Th vắng mặt tại phiên tòa. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn anh C giữ nguyên ý kiến như trình bày ở trên. Ngoài ra anh C còn trình bày: Anh và chị Th mâu thuẫn đã lâu, năm 2016 anh đã phải thuê nhà ở chỗ khác, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh C đề nghị Tòa án cho được ly hôn chị Th.

Về con chung: : Anh và chị Th có 2 con chung là Nguyễn Đức Th, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 28/7/2003. Nay ly hôn con Th đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống, anh không đề nghị Tòa án xem xét. Còn con Tr đang ở với chị Th, học lớp 11 năm nay lên lớp 12, học tại Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Anh đồng ý để chị Th tiếp tục nuôi con Tr.

\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147, 227, 228, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS);

Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đức C được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 28/7/2003.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản: Không đặt ra xem xét;

- Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Đức C có đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Th là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, hiện đang tạm trú tại thành phố D, tỉnh Bình Dương; các đương sự thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Lục Nam giải quyết vụ án. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do đó TAND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang thụ lý vụ án là đúng qui định.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Chị Th vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn xin xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị Th theo qui định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Thị Th kết hôn ngày 18/9/2000 trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là UBND thị trấn Đ), huyện L, tỉnh Bắc Giang, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới chị Th và anh C về sống chung với nhau ngay, hai người chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian và đã có hai con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do điều kiện kinh tế, anh C và chị Th vào tỉnh Bình Dương làm ăn, trong quá trình chung sống anh C và chị Th có nhiều điểm không hợp nhau, bất đồng quan điểm, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau thường xuyên không có tiếng nói chung. Đến năm 2016 anh C và chị Th sống ly thân từ đó cho đến nay, năm 2019 anh C về Bắc Giang sống, còn chị Th vẫn tiếp tục ở Bình Dương. Tại bản tự khai của chị Th, chị xác định không còn tình cảm với anh C và đồng ý xin ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ

vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, để cho anh Nguyễn Đức Cường ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

[2.2]. Về con chung: Các đương sự trình bày có hai con chung là Nguyễn Đức Th, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 28/7/2003. Cháu Th đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống, các đương sự không đề nghị Tòa án xem xét.

Còn cháu Tr đang ở với chị Th, học lớp 11 năm nay lên lớp 12. Anh C và chị Th đồng ý để chị Th tiếp tục nuôi con Tr. Xét thấy: Sự thỏa thuận giao con Tr cho chị Th trực tiếp nuôi con là phù hợp và cũng là nguyện vọng của cháu Tr. Do đó cần chấp nhận. Giao cho chị Th trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 28/7/2003.

Sau khi ly hôn anh Cường quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

[2.4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Anh C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đức Cường ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 28/7/2003.

Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức Cường phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/0004516 ngày 07/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận anh Cường đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND TT Đ, huyện L;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(đã ký)

**Dương Thế Vinh**

